

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH
TẠI HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
(HIGH-QUALITY UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR
FINANCE MAJOR)**

*(Ban hành theo Quyết định số 414/QĐ-HVCSPT ngày 15 tháng 08 năm 2014
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52340201
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	TÀI CHÍNH

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Cử nhân tốt nghiệp chương trình Chất lượng cao, ngành Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất đạo đức tốt, được trang bị kiến thức cơ bản về chính trị - kinh tế - xã hội và những kiến thức chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng, có trình độ ngoại ngữ tốt, có khả năng sử dụng thuần thục Tiếng Anh trong các giao tiếp hàng ngày và công việc chuyên môn. Các kỹ năng để thực hiện tốt công việc của chuyên viên như: phân tích, lập kế hoạch, làm việc nhóm, tổ chức triển khai nhiệm vụ, kỹ năng đàm phán, giao tiếp cũng được chú trọng để sinh viên tốt nghiệp sớm hòa nhập với đơn vị tuyển dụng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức: Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản và hiện đại về Tài chính - Ngân hàng - Tiền tệ dựa trên các khía cạnh:

- + Khía cạnh vi mô: Hiểu về tài chính ở tầm vi mô, nắm vững các kiến thức về kế toán, quản lý tài chính doanh nghiệp, quản lý tài chính cá nhân và hộ gia đình.
- + Khía cạnh vĩ mô: Hiểu về tài chính ở tầm vĩ mô, nắm vững các kiến thức về mối liên hệ giữa kinh tế vĩ mô và tài chính, rủi ro hệ thống, ảnh hưởng của lạm phát, tỷ giá và các biến số vĩ mô khác đến các hoạt động tài chính, quản lý tài chính công, quản lý ngân sách.

- + **Khía cạnh đầu tư tài chính:** Hiểu về rủi ro và các nguyên lý đầu tư nhằm tối đa hóa lợi nhuận và hạn chế rủi ro. Hiểu về các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro.
- + Hiểu về một số nghiệp vụ cơ bản trong tài chính (thuế, kế toán ...).
- + Được trang bị một số kiến thức căn bản về các công cụ định lượng, kiến thức về kinh doanh và quản trị nói chung.

1.2.2. Mục tiêu kỹ năng: Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo. Được trang bị phương pháp và kỹ năng tự nghiên cứu để nâng cao trình độ ở các cấp học cao hơn và đáp ứng các công việc chuyên sâu khi đơn vị tuyển dụng yêu cầu.

1.2.3. Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Cử nhân tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có thể làm việc tại: khối/ban tài chính – kế toán của các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác, công ty chứng khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (bộ phận tài chính - kế toán của các doanh nghiệp FDI, ngân hàng nước ngoài, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư nước ngoài), cơ quan quản lý tài chính cấp Trung ương hoặc địa phương, các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức tài chính quốc tế (World Bank, ADB, IMF).

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển theo từng thời kỳ.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:	4 năm
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:	130 - 150 tín chỉ
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:	Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy chương trình chất lượng cao
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
6. THANG ĐIỂM:	Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<i>7.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:</i>	<i>25 tín chỉ</i>
<i>7.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:</i>	<i>54 tín chỉ</i>
<i>7.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
<i>7.4. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:</i>	<i>15 tín chỉ</i>
<i>7.5. Kiến thức Giáo dục đại cương:</i>	<i>38 tín chỉ</i>
<i>7.6. Kiến thức lựa chọn tốt nghiệp:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
<i>Tổng số tín chỉ:</i>	<i>144 tín chỉ</i> <i>(không bao gồm GDTC, GDQP)</i>

8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – TÀI CHÍNH

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ
1. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			25
1	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4
2	CLCBC36	Phân tích báo cáo tài chính	3
3	TCCO21	Quản lý tài chính công	3
4	CLCNH37	Quản trị ngân hàng thương mại	3
5	CLCRR31	Quản trị rủi ro tài chính	3
6	CLCTC22	Tài chính quốc tế	3
7	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3
8	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3
2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			54
1	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2
2	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3
3	CLCKT20	Kế toán tài chính	3
4	CLCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3
5	CLCMR24	Marketing căn bản	3
6	CLCDT19	Nguyên lý đầu tư	3
7	CLCKT21	Nguyên lý kế toán	3
8	LUQT03	Pháp luật kinh tế	4
9	CLCKD03	Quản trị Kinh doanh quốc tế	3
10	CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	3
11	NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1	6
12	NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2	6
13	NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3	6
14	NNIL1.4	Tiếng Anh IELTS 1.4	6
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			6
1	CLCDG28	Định giá tài sản	3
2	CLCDM29	Quản lý danh mục đầu tư	3
3	CLCPS34	Thị trường phái sinh	3
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			15
1	TOKT05	Kinh tế lượng	3
2	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3
3	CLCBH26	Nguyên lý bảo hiểm	3
4	CLCCL06	Quản trị chiến lược	3
5	CLCHO10	Quản trị học	3
6	CLCTH16	Thuế và hệ thống thuế	3

5. Giáo dục chuyên nghiệp(Lựa chọn TN)			6
1	QTKLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6
6. Giáo dục đại cương			38
1	THDL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
2	CLCHV12	Giới thiệu về hành vi tổ chức	3
3	CLCKD17	Giới thiệu về Kinh doanh	3
4	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3
5	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
7	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	3
8	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3
9	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
10	TOĐC06	Tin học đại cương	3
11	TOCC03	Toán cao cấp 1	3
12	TOCC04	Toán cao cấp 2	3
13	THTT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
7. Giáo dục quốc phòng			8
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8
8. Giáo dục thể chất			5
1	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	1
2	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	1
3	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	1
4	GDTC04	Giáo dục thể chất 4	1
5	GDTC05	Giáo dục thể chất 5	1